TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **155**/2017/QĐST- HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 14 tháng 8 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 138/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2017, giữa:

* *Nguyên đơn*: Anh **Đỗ Anh N**, sinh năm 1979;
Địa chỉ: Thôn P, xã A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang;

* *Bị đơn*: Chị **Trần Thị N**, sinh năm 1983;
Địa chỉ: Thôn P, xã A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 55; 81; 82; 83; 107; 110; 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2017.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đỗ Anh N và chị Trần Thị N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Giao con chung là Đỗ Thuý T, sinh ngày 27/12/2012 cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*)/tháng. Thời gian thực hiện cấp dưỡng tính từ tháng 8/2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự.

- *Về quan hệ tài sản chung:* Anh Đỗ Anh N và chị Trần Thị N xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về vay nợ chung*: Anh Đỗ Anh N và chị Trần Thị N xác nhận không vay nợ ai, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về án phí*: Anh Đỗ Anh N tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)* và phải chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số No 0003278 ngày 18/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang. Anh Đỗ Anh N đã nộp đủ án phí.

Chị Trần Thị N không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự*".

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (2 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- UBND xã An Tường;
- Lưu HS vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Quỳnh